

Số: **3166**/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **22** tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phân bổ vốn kế hoạch đầu tư phát triển
thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2024**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của HĐND tỉnh về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương, vốn đối ứng ngân sách địa phương và cơ chế hỗ trợ thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương 05 năm giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện các Chương trình MTQG; Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển Ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2024 và Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1704/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển 05 năm 2021-2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh);

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 184/TTr-SKH-KTN ngày 19/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2024 với tổng kinh phí **167.870 triệu đồng** (Một trăm sáu mươi bảy tỷ, tám trăm bảy mươi triệu đồng) từ nguồn vốn ngân sách Trung ương và chi cân đối ngân sách địa phương, cụ thể như sau:

- Vốn ngân sách trung ương năm 2024 là 97.870 triệu đồng (chi tiết như phụ lục số 01 đính kèm).

- Vốn chi cân đối ngân sách địa phương năm 2024 là 70.000 triệu đồng (chi tiết như phụ lục số 02 đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định này đảm bảo đúng quy định của pháp luật;

- Thông báo chi tiết danh mục, mức vốn các nội dung: (1) Hỗ trợ thực hiện Chương trình phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2022-2025; (2) Các chương trình chuyên đề thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; (3) Hỗ trợ lãi suất vốn vay phát triển sản xuất.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các địa phương khẩn trương rà soát, đề xuất Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo chi tiết các nội dung: (1) Hỗ trợ thực hiện Chương trình phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2022-2025; (2) Các chương trình chuyên đề thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; (3) Hỗ trợ lãi suất vốn vay phát triển sản xuất.

3. Giao Chủ tịch UBND các huyện, thị xã:

- Phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án cho các cơ quan, đơn vị, địa phương cấp trực thuộc theo quy định của pháp luật về đầu tư công, về xây dựng và các văn bản hướng dẫn của chương trình. UBND cấp huyện có trách nhiệm báo cáo việc phân bổ chi tiết kế hoạch năm 2024 của địa phương về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn **trước ngày 05/01/2024** để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

- Hướng dẫn, theo dõi quá trình thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ (hàng quý, 6 tháng, hàng năm) gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

- UBND các huyện có xã đăng ký đạt nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu ưu tiên bổ sung nguồn vốn do cấp huyện quản lý để hỗ trợ các xã hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các chủ đầu tư có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT TT Hà Sỹ Đồng;
- Lưu: VT, KTp, TH_U.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Võ Văn Hưng

Phụ lục số 01:

**PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024 THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

Nguồn vốn: Đầu tư phát triển Ngân sách Trung ương

(Kèm theo Quyết định số 3166/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh)

DVT: triệu đồng

STT	Nội dung/Đơn vị	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
	TỔNG SỐ		97.870	
1	Hỗ trợ thực hiện các đề án		18.270	
a	Hỗ trợ thực hiện chương trình phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2022-2025		8.270	Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư Thông báo chi tiết
b	Các chương trình chuyên đề thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới		10.000	
2	Hỗ trợ huyện đạt chuẩn NTM		8.400	
-	Huyện Hải Lăng	UBND huyện Hải Lăng	4.200	hoàn thành
-	Huyện Triệu Phong	UBND huyện Triệu Phong	4.200	hoàn thành
3	Hỗ trợ các xã theo tiêu chí		71.200	
a	Các xã từ 15 đến 18 tiêu chí		16.800	7 xã
-	Huyện Triệu Phong (03 xã)		7.200	
	Xã Triệu Vân	UBND xã Triệu Vân	2.400	
	Xã Triệu Lăng	UBND xã Triệu Lăng	2.400	
	Xã Triệu An	UBND xã Triệu An	2.400	
-	Huyện Hải Lăng (01 xã)		2.400	
	Xã Hải Chánh	UBND xã Hải Chánh	2.400	
-	Huyện Gio Linh (03 xã)		7.200	
	+ Xã Gio Mai	UBND xã Gio Mai	2.400	

STT	Nội dung/Đơn vị	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
	+ Xã Gio Châu	UBND xã Gio Châu	2.400	
	+ Xã Hải Thái	UBND xã Hải Thái	2.400	
b	Xã đạt dưới 15 tiêu chí		4.000	01 xã
-	Huyện Đakrông (01 xã)		4.000	
	+ Xã Ba Lòng	UBND xã Ba Lòng	4.000	
c	Các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới		50.400	63 xã
-	Huyện Hướng Hóa (05 xã)		4.000	
	+ Xã Tân Hợp	UBND xã Tân Hợp	800	
	+ Xã Tân Liên	UBND xã Tân Liên	800	
	+ Xã Tân Lập	UBND xã Tân Lập	800	
	+ Xã Tân Long	UBND xã Tân Long	800	
	+ Xã Tân Thành	UBND xã Tân Thành	800	
-	Huyện Đakrông (01 xã)		800	
	+ Xã Triệu Nguyên	UBND xã Triệu Nguyên	800	
-	Huyện Triệu Phong (14 xã)		11.200	
	+ Xã Triệu Đại	UBND xã Triệu Đại	800	
	+ Xã Triệu Thuận	UBND xã Triệu Thuận	800	
	+ Xã Triệu Trạch	UBND xã Triệu Trạch	800	
	+ Xã Triệu Thành	UBND xã Triệu Thành	800	
	+ Xã Triệu Giang	UBND xã Triệu Giang	800	

STT	Nội dung/Đơn vị	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
	+ Xã Triệu Phước	UBND xã Triệu Phước	800	
	+ Xã Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn	800	
	+ Xã Triệu Trung	UBND xã Triệu Trung	800	
	+ Xã Triệu Thượng	UBND xã Triệu Thượng	800	
	+ Xã Triệu Tài	UBND xã Triệu Tài	800	
	+ Xã Triệu Ái	UBND xã Triệu Ái	800	
	+ Xã Triệu Hòa	UBND xã Triệu Hòa	800	
	+ Xã Triệu Long	UBND xã Triệu Long	800	
	+ Xã Triệu Độ	UBND xã Triệu Độ	800	
-	Huyện Vĩnh Linh (13 xã)		10.400	
	+ Xã Kim Thạch	UBND xã Kim Thạch	800	
	+ Xã Vĩnh Thủy	UBND xã Vĩnh Thủy	800	
	+ Xã Hiền Thành	UBND xã Hiền Thành	800	
	+ Xã Trung Nam	UBND xã Trung Nam	800	
	+ Xã Vĩnh Lâm	UBND xã Vĩnh Lâm	800	
	+ Xã Vĩnh Hòa	UBND xã Vĩnh Hòa	800	
	+ Xã Vĩnh Tú	UBND xã Vĩnh Tú	800	
	+ Xã Vĩnh Sơn	UBND xã Vĩnh Sơn	800	
	+ Xã Vĩnh Giang	UBND xã Vĩnh Giang	800	
	+ Xã Vĩnh Long	UBND xã Vĩnh Long	800	

STT	Nội dung/Đơn vị	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
	+ Xã Vĩnh Cháp	UBND xã Vĩnh Cháp	800	
	+ Xã Vĩnh Thái	UBND xã Vĩnh Thái	800	
	+ Xã Vĩnh Hà	UBND xã Vĩnh Hà	800	
-	Huyện Hải Lăng (12 xã)		9.600	
	+ Xã Hải Quy	UBND xã Hải Quy	800	
	+ Xã Hải Quế	UBND xã Hải Quế	800	
	+ Xã Hải Định	UBND xã Hải Định	800	
	+ Xã Hải Sơn	UBND xã Hải Sơn	800	
	+ Xã Hải Phong	UBND xã Hải Phong	800	
	+ Xã Hải Trường	UBND xã Hải Trường	800	
	+ Xã Hải Ba	UBND xã Hải Ba	800	
	+ Xã Hải Hưng	UBND xã Hải Hưng	800	
	+ Xã Hải Lâm	UBND xã Hải Lâm	800	
	+ Xã Hải Phú	UBND xã Hải Phú	800	
	+ Xã Hải Thượng	UBND xã Hải Thượng	800	
	+ Xã Hải Dương	UBND xã Hải Dương	800	
-	Huyện Gio Linh (10 xã)		8.000	
	+ Xã Gio An	UBND xã Gio An	800	
	+ Xã Phong Bình	UBND xã Phong Bình	800	
	+ Xã Trung Sơn	UBND xã Trung Sơn	800	
	+ Xã Trung Hải	UBND xã Trung Hải	800	

STT	Nội dung/Đơn vị	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
	+ Xã Gio Mỹ	UBND xã Gio Mỹ	800	
	+ Xã Gio Quang	UBND xã Gio Quang	800	
	+ Xã Linh Hải	UBND xã Linh Hải	800	
	+ Xã Gio Sơn	UBND xã Gio Sơn	800	
	+ Xã Trung Giang	UBND xã Trung Giang	800	
	+ Xã Gio Việt	UBND xã Gio Việt	800	
-	Huyện Cam Lộ (07 xã)		5.600	
	+ Xã Thanh An	UBND xã Thanh An	800	
	+ Xã Cam Thủy	UBND xã Cam Thủy	800	
	+ Xã Cam Hiếu	UBND xã Cam Hiếu	800	
	+ Xã Cam Tuyên	UBND xã Cam Tuyên	800	
	+ Xã Cam Thành	UBND xã Cam Thành	800	
	+ Xã Cam Chính	UBND xã Cam Chính	800	
	+ Xã Cam Nghĩa	UBND xã Cam Nghĩa	800	
-	Thị xã Quảng Trị (01 xã)		800	
	+ Xã Hải Lệ	UBND xã Hải Lệ	800	

Phụ lục số 02:

**PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024 THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

Nguồn vốn: ĐPPT chi cân đối ngân sách địa phương

(Kèm theo Quyết định số **3166**/QĐ-UBND ngày **22**/12/2023 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
	TỔNG SỐ		70.000	
I	Hỗ trợ huyện đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025		50.170	
	Huyện Vĩnh Linh	UBND huyện Vĩnh Linh	39.542	Bổ trí đủ theo kế hoạch giai đoạn 2021-2025
	Huyện Gio Linh	UBND huyện Gio Linh	5.314	
	Huyện Cam Lộ	UBND huyện Cam Lộ	5.314	
II	Thưởng công trình phúc lợi cho các đơn vị đạt chuẩn		5.400	
1	Xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022		1.800	
	Xã Triệu Vân, huyện Triệu Phong	UBND xã Triệu Vân	300	QĐ số 1275/QĐ-UBND ngày 19/6/2023 của UBND tỉnh
	Xã Triệu An, huyện Triệu Phong	UBND xã Triệu An	300	
	Xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong	UBND xã Triệu Lăng	300	
	Xã Gio Mai, huyện Gio Linh	UBND xã Gio Mai	300	
	Xã Hải Thái, huyện Gio Linh	UBND xã Hải Thái	300	
	Xã Hải Chánh, huyện Hải Lăng	UBND xã Hải Chánh	300	
2	Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022		3.600	
	Xã Triệu Đại, huyện Triệu Phong	UBND xã Triệu Đại	400	Quyết định số 3026/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh
	Xã Triệu Trạch, huyện Triệu Phong	UBND xã Triệu Trạch	400	
	Xã Cam Chính, huyện Cam Lộ	UBND xã Cam Chính	400	

	Xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ	UBND xã Cam Nghĩa	400	Quyết định số 3026/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh
	Xã Cam Thành, huyện Cam Lộ	UBND xã Cam Thành	400	
	Xã Cam Hiếu, huyện Cam Lộ	UBND xã Cam Hiếu	400	
	Xã Kim Thạch, huyện Vĩnh Linh	UBND xã Kim Thạch	400	
	Xã Vĩnh Thủy, huyện Vĩnh Linh	UBND xã Vĩnh Thủy	400	
	Xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh	UBND xã Vĩnh Giang	400	
III	Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nâng thôn mới kiểu mẫu năm 2024		14.000	
1	Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024		9.000	
	Xã Vĩnh Ô, huyện Vĩnh Linh	UBND xã Vĩnh Ô	3.000	
	Xã Linh Trường, huyện Gio Linh	UBND xã Linh Trường	3.000	
	Xã Ba Lòng, huyện Đakrông	UBND xã Ba Lòng	3.000	
2	Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024		3.000	
	Xã Thanh An, huyện Cam Lộ	UBND xã Thanh An	1.000	
	Xã Cam Thủy, huyện Cam Lộ	UBND xã Cam Thủy	1.000	
	Xã Hải Phú, huyện Hải Lăng	UBND xã Hải Phú	1.000	
3	Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2024		2.000	
	Xã Cam Chính, huyện Cam Lộ	UBND xã Cam Chính	400	
	Xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ	UBND xã Cam Nghĩa	400	
	Xã Cam Thành, huyện Cam Lộ	UBND xã Cam Thành	400	
	Xã Kim Thạch, huyện Vĩnh Linh	UBND xã Kim Thạch	400	
	Xã Vĩnh Thủy, huyện Vĩnh Linh	UBND xã Vĩnh Thủy	400	
IV	Hỗ trợ thực hiện các nội dung khác		430	
	- Hỗ trợ lãi suất vốn vay phát triển sản xuất		430	Giao Sở KHĐT thông báo chi tiết